

II. NỘI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. HÔ HẤP				
1.	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	X	X	X	X
2.	Bơm rửa khoang màng phổi	X	X	X	
3.	Bơm streptokinase vào khoang màng phổi	X	X		
4.	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	X	X	X	X
5.	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
6.	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	X	X		
7.	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X	X	
8.	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X	X	
9.	Chọc dò dịch màng phổi	X	X	X	X
10.	Chọc tháo dịch màng phổi	X	X	X	X
11.	Chọc hút khí màng phổi	X	X	X	
12.	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X	X	
13.	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	X	X		
14.	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	X	X	X	X
15.	Đặt catheter qua màng nhầy giáp lấy bệnh phẩm	X	X		
16.	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	X	X	X	
17.	Đặt nội khí quản 2 nòng	X	X		
18.	Điều trị bằng oxy cao áp	X	X		
19.	Đo dung tích toàn phổi	X	X		
20.	Đo đa ký hô hấp	X	X		
21.	Đo kháng lực đường dẫn khí bằng phế thân ký	X	X		
22.	Đo khả năng khuếch tán khí qua màng phế nang mao mạch (DLCO)	X			
23.	Đo đa ký giấc ngủ	X			
24.	Đo chức năng hô hấp	X	X	X	X
25.	Gây dính màng phổi bằng thuốc/ hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	X	X	X	
26.	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	X	X	X	
27.	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản	X			
28.	Kỹ thuật ho có điều khiển	X	X	X	X
29.	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	X	X	X	X
30.	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	X	X	X	

31.	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
32.	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
33.	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
34.	Nong khí quản, phế quản bằng nội soi ống cứng	x	x		
35.	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với áp lạnh	x	x		
36.	Nội soi phế quản dưới gây mê	x	x		
37.	Nội soi phế quản siêu âm	x			
38.	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi	x	x		
39.	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/ hóa chất	x	x		
40.	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản	x	x		
41.	Nội soi phế quản ống mềm: cắt đốt u, sẹo nội phế quản bằng điện đông cao tần	x	x		
42.	Nội soi phế quản - đặt stent khí, phế quản	x			
43.	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản	x	x		
44.	Nội soi phế quản ống cứng cắt u trong lòng khí, phế quản bằng điện đông cao tần	x	x		
45.	Nội soi phế quản ống mềm	x	x		
46.	Nội soi phế quản ống cứng	x	x		
47.	Nội soi ống mềm phế quản siêu âm, sinh thiết xuyên thành phế quản	x	x		
48.	Nội soi phế quản chài phế quản chẩn đoán	x	x		
49.	Nội soi rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
50.	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)	x	x		
51.	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản	x	x		
52.	Nội soi lồng ngực	x	x		
53.	Nội soi trung thất	x			
54.	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy	x	x		
55.	Nội soi phế quản ánh sáng huỳnh quang	x	x		
56.	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với laser	x			
57.	Nội soi phế quản - điều trị u, sẹo hẹp khí phế quản với đông tương argon	x			
58.	Nghiệm pháp hồi phục phế quản với thuốc giãn phế quản	x	x		
59.	Nghiệm pháp kích thích phế quản	x	x		
60.	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
61.	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
62.	Rửa phổi toàn bộ	x	x		
63.	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
64.	Sinh thiết màng phổi mù	x	x	x	
65.	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
66.	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	x	x		
67.	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x

68.	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
	B. TIM MẠCH				
69.	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch	x	x		
70.	Bít tiểu nhĩ trái bằng dụng cụ nhằm ngăn ngừa biến cố tắc mạch ở bệnh nhân rung nhĩ	x			
71.	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm	x	x		
72.	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT)	x			
73.	Cấy máy phá rung tự động (ICD)	x			
74.	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	x	x	x	
75.	Chọc dò màng ngoài tim	x	x	x	
76.	Dẫn lưu màng ngoài tim	x	x	x	
77.	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim	x	x		
78.	Đặt filter lọc máu tĩnh mạch chủ	x			
79.	Đặt dù lọc máu động mạch trong can thiệp nội mạch máu	x			
80.	Đặt stent ống động mạch	x			
81.	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	x			
82.	Đặt stent phình động mạch chủ	x			
83.	Đặt stent hẹp động mạch chủ	x			
84.	Đặt coil bít ống động mạch	x			
85.	Điện tim thường	x	x	x	x
86.	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio	x			
87.	Điều trị rung nhĩ bằng năng lượng sóng tần số radio sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim	x			
88.	Điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch	x			
89.	Điều trị suy tĩnh mạch bằng năng lượng sóng tần số radio	x			
90.	Điều trị bằng tế bào gốc ở bệnh nhân sau nhồi máu cơ tim cấp	x			
91.	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu đường tĩnh mạch trong kết van cơ học	x	x		
92.	Đóng các lỗ rò động mạch, tĩnh mạch	x			
93.	Gây xơ tĩnh mạch điều trị suy, giãn tĩnh mạch mãn tính	x	x		
94.	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản	x	x		
95.	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
96.	Holter huyết áp	x	x	x	
97.	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
98.	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	x	x		
99.	Khoan các tổn thương vô hóa ở động mạch	x			
100.	Lập trình máy tạo nhịp tim	x	x		

101.	Nong và đặt stent động mạch vành	x	x		
102.	Nong và đặt stent các động mạch khác	x			
103.	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue	x	x		
104.	Nong van động mạch chủ	x			
105.	Nong hẹp eo động mạch chủ	x			
106.	Nong van động mạch phổi	x	x		
107.	Nong màng ngoài tim bằng bóng trong điều trị tràn dịch màng ngoài tim mạn tính	x	x		
108.	Nong hẹp eo động mạch chủ + đặt stent	x			
109.	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	x	x		
110.	Nghiệm pháp bàn nghiêng	x			
111.	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
112.	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
113.	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
114.	Siêu âm tim gắng sức (thảm chạy, thuốc)	x			
115.	Siêu âm tim cân âm	x	x		
116.	Siêu âm tim 4D	x	x		
117.	Siêu âm tim qua thực quản	x	x		
118.	Siêu âm trong lòng mạch vành (IVUS)	x			
119.	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
120.	Sốc điện điều trị rung nhĩ	x	x		
121.	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x	x	x	
122.	Thay van động mạch chủ qua da	x			
123.	Thăm dò điện sinh lý tim	x			
124.	Thăm dò huyết động bằng Swan Ganz	x	x		
125.	Thông tim chân đoán	x	x		
126.	Thông tim và chụp buồng tim cản quang	x	x		
127.	Triệt đốt thần kinh giao cảm động mạch thận bằng năng lượng sóng tần số radio qua đường ống thông trong điều trị tăng huyết áp kháng trị	x			
	C. THẦN KINH				
128.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
129.	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x	
130.	Điều trị đau rễ thần kinh thắt lưng - cùng bằng tiêm ngoài màng cứng	x	x		
131.	Điều trị đau rễ thần kinh bằng phong bế đám rối	x	x		
132.	Điều trị chứng vẹo cổ bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox...)	x	x		
133.	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
134.	Điều trị chứng co cứng cơ sau TBMMN bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox...)	x	x		
135.	Điều trị chứng co cứng cơ sau viêm tủy bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
136.	Điều trị chứng co cứng cơ sau viêm não bằng tiêm	x	x		

	Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)				
137.	Điều trị chứng tăng trương lực cơ do bại não bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
138.	Điều trị co cứng cơ sau các tổn thương thần kinh khác bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
139.	Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A (Dysport, Botox,...)	x	x		
140.	Điều trị trạng thái động kinh	x	x		
141.	Đo tốc độ dẫn truyền (vận động, cảm giác) của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
142.	Đo tốc độ phản xạ Hoffmann và sóng F của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	x	x		
143.	Đo điện thế kích thích bằng điện cơ	x	x		
144.	Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
145.	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
146.	Ghi điện não giấc ngủ	x	x		
147.	Ghi điện não video	x			
148.	Ghi điện cơ bằng điện cực kim	x	x		
149.	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
150.	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
151.	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
152.	Nuôi dưỡng người bệnh liên tục bằng máy, truyền thức ăn qua thực quản, dạ dày	x	x		
153.	Siêu âm Doppler xuyên sọ	x	x		
154.	Siêu âm Doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường	x	x		
155.	Siêu âm Doppler xuyên sọ có giá đỡ tại giường theo dõi 24/24 giờ	x			
156.	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x	x		
157.	Tắm cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x			
158.	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
159.	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý	x	x		
160.	Test chẩn đoán chết não bằng điện não đồ	x			
161.	Tiêm Botulinum Toxin A trong điều trị bệnh rối loạn vận động (Dysport, Botox...)	x	x		
162.	Tiêm Botulinum Toxin A trong điều trị đau nguyên nhân thần kinh (Dysport, Botox...)	x	x		
163.	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
164.	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
165.	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
166.	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
	D. THẬN TIẾT NIỆU				
167.	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x	
168.	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụy dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x	

169.	Chăm sóc catheter TMTT trong lọc máu	x	x		
170.	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x	
171.	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x	
172.	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x	
173.	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
174.	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
175.	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
176.	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
177.	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
178.	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản	x	x		
179.	Dẫn lưu bể thận qua da cấp cứu	x	x		
180.	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm	x	x		
181.	Dẫn lưu nang thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
182.	Dẫn lưu bể thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
183.	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
184.	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu	x	x		
185.	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	x	x		
186.	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	x	x		
187.	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x		
188.	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
189.	Đặt catheter màng bụng cấp cứu để lọc màng bụng cấp cứu	x	x		
190.	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sond JJ)	x			
191.	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	x	x		
192.	Điều trị phì đại tuyến tiền liệt bằng kỹ thuật laser phóng bên	x			
193.	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng sóng siêu âm	x	x		
194.	Điều trị tại chỗ phì đại tuyến tiền liệt bằng sức nóng hoặc nhiệt lạnh	x	x		
195.	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
196.	Đo áp lực đồ bàng quang thủ công	x	x		
197.	Đo áp lực đồ bàng quang bằng máy	x			
198.	Đo niệu dòng đồ	x			
199.	Đo áp lực đồ niệu đạo bằng máy	x			
200.	Đo áp lực thẩm thấu niệu	x	x		
201.	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	x	x		
202.	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	x	x		

203.	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục 24h	x	x		
204.	Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)	x	x		
205.	Lọc huyết tương (Plasmapheresis)	x			
206.	Lọc màng bụng liên tục 24 h bằng máy	x	x		
207.	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc trong Lupus	x			
208.	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc (quả lọc kép)	x			
209.	Lọc máu bằng kỹ thuật thâm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodiafiltration Online: HDF-Online) (Hoặc: Thâm tách siêu lọc máu (HDF-Online))	x	x		
210.	Nong hẹp niệu quản qua da dưới hướng dẫn của màn tăng sáng	x			
211.	Nong niệu đạo và đặt sonde đái	x	x		
212.	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	x	x		
213.	Nội soi niệu quản chẩn đoán	x	x		
214.	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể	x	x		
215.	Nội soi bàng quang để sinh thiết bàng quang đa điểm	x			
216.	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang	x	x		
217.	Nội soi đặt catheter bàng quang niệu quản để chụp UPR	x	x		
218.	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	x	x		
219.	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x		
220.	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser).	x	x		
221.	Nội soi bàng quang	x	x		
222.	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	x	x		
223.	Nối thông động- tĩnh mạch	x	x		
224.	Nối thông động- tĩnh mạch có dịch chuyển mạch	x	x		
225.	Nối thông động- tĩnh mạch sử dụng mạch nhân tạo	x	x		
226.	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu HA 130	x	x		
227.	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	x	x		
228.	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận	x	x		
229.	Rút sonde jj qua đường nội soi bàng quang	x			
230.	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	x	x		
231.	Rút catheter đường hầm	x	x		
232.	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
233.	Rửa bàng quang	x	x	x	
234.	Siêu lọc máu chậm liên tục (SCUF)	x	x		
235.	Siêu lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	x	x		
236.	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
237.	Sinh thiết thận ghép sau ghép thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
238.	Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X quang hoặc siêu âm	x	x		

239.	Thay huyết tương trong lupus ban đỏ rải rác	x	x		
240.	Thay transfer set ở bệnh nhân lọc màng bụng liên tục ngoại trú	x	x		
	Đ. TIÊU HÓA				
241.	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	x
242.	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x	x	
243.	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	x	x	x	
244.	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
245.	Đặt ống thông tá tràng dưới hướng dẫn C-ARM	x	x		
246.	Đặt ống thông mũi mật	x	x		
247.	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
248.	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C- ARM	x	x		
249.	Đo áp lực ổ bụng gián tiếp qua ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
250.	Đo PH thực quản 24 giờ	x			
251.	Đo vận động thực quản 24 giờ	x			
252.	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x		
253.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	x	x	x	
254.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng có dùng thuốc tiền mê	x	x	x	
255.	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	x	x	x	
256.	Nội soi trực tràng ống mềm	x	x	x	
257.	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	x	x	x	
258.	Nội soi trực tràng ống cứng	x	x	x	
259.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	x	x	x	
260.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc tiền mê	x	x		
261.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	x	x		
262.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	x	x	x	
263.	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - Đặt stent đường mật - tụy	x			
264.	Nội soi can thiệp - tiêm xơ búi giãn tĩnh mạch thực quản	x	x		
265.	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tĩnh mạch thực quản bằng vòng cao su	x	x		
266.	Nội soi can thiệp - Nong thực quản bằng bóng	x	x		
267.	Nội soi can thiệp - cắt gấp bã thức ăn dạ dày	x			
268.	Nội soi can thiệp - sinh thiết niêm mạc ống tiêu hóa	x	x	x	
269.	Nội soi can thiệp - đặt dẫn lưu nang giả tụy vào dạ dày	x			
270.	Nội soi can thiệp - Đặt bóng điều trị béo phì	x			
271.	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	x	x		
272.	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm	x	x	x	

	H.Pylori				
273.	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	x	x	x	
274.	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - nong đường mật bằng bóng	x			
275.	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - lấy sỏi đường, giun đường mật	x			
276.	Nội soi can thiệp - cầm máu ống tiêu hóa bằng laser argon	x			
277.	Nội soi can thiệp - mở thông dạ dày	x			
278.	Nội soi ruột non bóng kép (Double Balloon Endoscopy)	x			
279.	Nội soi ruột non bóng đơn (Single Balloon Endoscopy)	x			
280.	Nội soi ruột non bằng viên nang (Capsule endoscopy)	x			
281.	Nội soi siêu âm can thiệp - chọc hút tế bào khối u gan, tụy, u ổ bụng bằng kim nhỏ	x			
282.	Nội soi can thiệp - đặt stent ống tiêu hóa	x	x		
283.	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)	x	x		
284.	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi	x	x		
285.	Nội soi can thiệp - kẹp Clip cầm máu	x	x		
286.	Nội soi can thiệp - cắt hút niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm	x			
287.	Nội soi can thiệp - nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm	x	x	x	
288.	Nội soi ổ bụng	x	x		
289.	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	x	x		
290.	Nội soi can thiệp - gấp giun, dị vật ống tiêu hóa	x	x		
291.	Nội soi siêu âm đường tiêu hóa trên	x	x		
292.	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - thắt trĩ bằng vòng cao su	x	x		
293.	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	x	x		
294.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	x	x		
295.	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1cm	x	x		
296.	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1cm hoặc nhiều polyp	x	x		
297.	Nội soi hậu môn ống cứng	x	x	x	
298.	Nội soi can thiệp - tiêm Histoacryl búi giãn tĩnh mạch phình vị	x	x		
299.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng dải tần hẹp (NBI)	x	x		
300.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ dải tần hẹp (NBI)	x	x		
301.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng độ phân giải cao (HDTV)	x	x		
302.	Nội soi đại trực tràng toàn bộ độ phân giải cao (HDTV)	x	x		
303.	Nội soi siêu âm trực tràng	x	x		
304.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	x	x		
305.	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	x	x		

306.	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	x	x	x	
307.	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	x	x	x	
308.	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	x	x	x	
309.	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	x	x	x	
310.	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	x	x		
311.	Nội soi trực tràng ống cứng có sinh thiết	x	x		
312.	Nội soi siêu âm dẫn lưu nang tụy	x			
313.	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
314.	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
315.	Siêu âm DOPPLER mạch máu khối u gan	x	x		
316.	Siêu âm DOPPLER mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	x	x		
317.	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
318.	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang gan	x	x		
319.	Siêu âm can thiệp - Chọc hút tế bào khối u gan, tụy, khối u ổ bụng bằng kim nhỏ	x	x		
320.	Siêu âm can thiệp - Chọc hút và tiêm thuốc điều trị nang gan	x	x		
321.	Siêu âm can thiệp - Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da	x	x		
322.	Siêu âm can thiệp - Chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	x	x		
323.	Siêu âm can thiệp - Đặt ống thông đường mật qua da để chụp đường mật có phối hợp dưới C-ARM	x			
324.	Siêu âm can thiệp - tiêm cồn tuyệt đối điều trị ung thư gan	x	x		
325.	Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan	x	x	x	
326.	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan	x	x		
327.	Siêu âm can thiệp - sinh thiết nhu mô gan, tổn thương u gan bằng súng Promag	x	x		
328.	Siêu âm can thiệp - sinh thiết hạch ổ bụng, u tụy	x	x		
329.	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang giả tụy	x	x		
330.	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu nang giả tụy	x	x		
331.	Siêu âm can thiệp - điều trị sóng cao tần khối ung thư gan bằng kimm chùm Leveen	x			
332.	Siêu âm can thiệp - điều trị sóng cao tần khối ung thư gan bằng kim đơn cực	x			
333.	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	x	x	x	
334.	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	x	x	x	
335.	Test thở C14O2 tìm H.Pylori	x	x		
336.	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
337.	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
338.	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
339.	Thụt tháo phân	x	x	x	x
	E. CƠ XƯƠNG KHỚP				

340.	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	x	x		
341.	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ	x	x		
342.	Chọc hút tế bào phân mềm bằng kim nhỏ	x	x		
343.	Chọc hút tế bào phân mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
344.	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
345.	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
346.	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
347.	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
348.	Đo độ nhớt dịch khớp	x	x	x	
349.	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
350.	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
351.	Hút dịch khớp háng	x	x		
352.	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
353.	Hút dịch khớp khuỷu	x	x		
354.	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
355.	Hút dịch khớp cổ chân	x	x		
356.	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
357.	Hút dịch khớp cổ tay	x	x		
358.	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
359.	Hút dịch khớp vai	x	x		
360.	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
361.	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
362.	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
363.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	
364.	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
365.	Nội soi khớp gối chẩn đoán (có sinh thiết)	x	x		
366.	Nội soi khớp gối điều trị rửa khớp	x	x		
367.	Nội soi khớp gối điều trị bào khớp	x	x		
368.	Nội soi khớp gối điều trị nội soi kết hợp mở tối thiểu ổ khớp lấy dị vật	x	x		
369.	Nội soi khớp vai chẩn đoán (có sinh thiết)	x	x		
370.	Nội soi khớp vai điều trị rửa khớp	x	x		
371.	Nội soi khớp vai điều trị bào khớp	x	x		
372.	Nội soi khớp vai điều trị lấy dị vật	x	x		
373.	Siêu âm khớp (một vị trí)	x	x		
374.	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	x	x		
375.	Sinh thiết tuyến nước bọt	x	x		
376.	Sinh thiết phần mềm bằng súng Fast Gun dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
377.	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
378.	Sinh thiết màng hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
379.	Sinh thiết xương dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
380.	Sinh thiết da bằng kim chuyên dụng (biopsy punch)	x			

381.	Tiêm khớp gối	X	X		
382.	Tiêm khớp háng	X	X		
383.	Tiêm khớp cổ chân	X	X		
384.	Tiêm khớp bàn ngón chân	X	X		
385.	Tiêm khớp cổ tay	X	X		
386.	Tiêm khớp bàn ngón tay	X	X		
387.	Tiêm khớp đốt ngón tay	X	X		
388.	Tiêm khớp khuỷu tay	X	X		
389.	Tiêm khớp vai	X	X		
390.	Tiêm khớp ức đòn	X	X		
391.	Tiêm khớp ức - sườn	X	X		
392.	Tiêm khớp đòn- cùng vai	X	X		
393.	Tiêm khớp thái dương hàm	X			
394.	Tiêm ngoài màng cứng	X			
395.	Tiêm khớp cùng chậu	X			
396.	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	X	X		
397.	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay	X	X		
398.	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	X	X		
399.	Tiêm hội chứng DeQuervain	X	X		
400.	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	X	X		
401.	Tiêm gân gấp ngón tay	X	X		
402.	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	X	X		
403.	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	X	X		
404.	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	X	X		
405.	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	X	X		
406.	Tiêm gân gót	X	X		
407.	Tiêm cân gan chân	X	X		
408.	Tiêm cạnh cột sống cổ	X			
409.	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	X			
410.	Tiêm cạnh cột sống ngực	X			
411.	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
412.	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
413.	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
414.	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
415.	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
416.	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
417.	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
418.	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
419.	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
420.	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
421.	Tiêm khớp ức – sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
422.	Tiêm khớp đòn- cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	X	X		
423.	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	X			

424.	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
425.	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
426.	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
427.	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
428.	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
429.	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
430.	Tiêm ngoài màng cứng dưới hướng dẫn của màng huỳnh quang tăng sáng	x			
431.	Xét nghiệm Mucin test	x	x	x	